

VÀI NÉT VỀ PHÊ BÌNH VĂN HỌC VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1945-1955

Ngô Văn Tuấn

Phòng Sau đại học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tóm tắt. Phê bình văn học Việt Nam giai đoạn 1945-1955, nhất là phê bình tác phẩm chưa thực sự phát triển. Tuy nhiên, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nó cũng từng bước thể hiện được vai trò tích cực trong việc xây dựng nền văn học mới – một nền văn học hướng về đại chúng. Phê bình văn học giai đoạn này đã có những đóng góp quan trọng trong việc làm sáng tỏ mối quan hệ thống nhất giữa văn nghệ và chính trị, tích cực phổ biến những nguyên tắc lớn của Đảng trong việc xây dựng nền văn nghệ mới. Đặc biệt, nó đã có công phát hiện, biểu dương những mầm mống của nền văn học cách mạng Việt Nam.

Từ khóa: Phê bình văn học, văn học Việt Nam 1945-1955, nền văn học mới, chức năng của phê bình.

1. Mở đầu

Kể từ sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, dưới sự lãnh đạo của Đảng, văn hoá, văn nghệ được tổ chức thành một mặt trận thống nhất phục vụ cho sự nghiệp kháng chiến kiến quốc của toàn dân tộc [1]. Tuy nhiên, trong giai đoạn 1945-1955, đất nước có chiến tranh, công chúng ít có thời gian dành cho văn chương nghệ thuật. Hơn nữa, vào thời điểm ấy, các phương tiện in ấn, xuất bản và phát hành sách báo còn thiếu thốn khiến cho việc phổ biến rộng rãi các tác phẩm văn học cũng như các bài viết phê bình trở nên hết sức khó khăn. Song, với nỗ lực mạnh mẽ vượt lên trên những rào cản của hoàn cảnh lịch sử, nền lí luận, phê bình văn học non trẻ của nước Việt Nam độc lập vẫn được hình thành, từng bước phát triển và có được những thành tựu bước đầu rất đáng tự hào.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Trong nền văn học mới, Đảng giao phó cho phê bình văn học những trách nhiệm hết sức nghiêm túc và trọng đại. Phê bình phải có nhiệm vụ “đấu tranh để bảo vệ đường lối văn nghệ của Đảng, góp phần vào việc chỉ đạo sáng tác và nghiên cứu văn nghệ, nâng cao chất lượng của tác phẩm nghệ thuật, nâng cao tư tưởng, nhận thức và trình độ thẩm mỹ của quần chúng nhân dân” [1;187]. Phê bình văn học Việt Nam giai đoạn 1945-1955 cũng không nằm ngoài quỹ đạo chung ấy. Tuy nhiên, với tư cách là giai đoạn mở đầu, phê bình văn học thời kì này có những nét đặc trưng riêng.

Ngày nhận bài 11/5/2014. Ngày nhận đăng 25/9/2014.
Liên lạc Ngô Văn Tuấn, e-mail: ngotuanbg@yahoo.com.vn

Tháng 7 năm 1948, trong bản báo cáo *Chủ nghĩa Mác và văn hoá Việt Nam*, trình bày tại Hội nghị Văn hoá toàn quốc lần thứ hai, đồng chí Trường Chinh khẳng định: “Văn hoá dân chủ mới Việt Nam phải gồm đủ ba tính chất: dân tộc, khoa học và đại chúng” cùng với một thông điệp chính trị rõ ràng về mục đích, nhiệm vụ của những người làm công tác văn hoá, văn nghệ ở nước ta thời điểm đó: “Mục đích của những người làm công tác văn hoá chúng ta là thắng địch, giữ nước, làm cho dân mạnh, dân tiến, dân tin, dân vui; là chống văn hoá nô dịch, ngu dân của thực dân Pháp, khắc phục những tư tưởng phong kiến, lạc hậu trong văn hoá nước nhà, là xây dựng nền văn hoá dân chủ mới Việt Nam và góp phần văn hoá Việt Nam vào kho tàng văn hoá thế giới” [1;79]. Trong thư gửi tới hội nghị này, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng có những chỉ thị cụ thể: “Nhiệm vụ của văn hoá chẳng những để cổ động tinh thần và lực lượng kháng chiến, kiến quốc của nhân dân, mà còn phải nêu rõ những thành tích kháng chiến, kiến quốc vĩ đại của ta cho thế giới biết. Các nhà văn hoá ta phải có những tác phẩm xứng đáng, chẳng những để biểu dương sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc bây giờ, mà còn để lưu truyền những gương mẫu oanh liệt kháng chiến, kiến quốc cho con cháu đời sau” [1;29].

Năm 1952, khi nói chuyện với cán bộ báo chí, văn nghệ và cán bộ các ngành, Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp tục đặt ra câu hỏi “Viết cho ai?”, và Người trả lời: “Viết cho đại đa số: Công - Nông - Binh. (...) Để giáo dục, giải thích, cổ động, phê bình. Để phục vụ quần chúng” [1;31].

Với những quan điểm chỉ đạo thống nhất và xuyên suốt như trên, có thể thấy: xuất phát từ quan điểm quần chúng nhân dân lao động là người sáng tạo ra lịch sử, Đảng ta chủ trương văn nghệ phục vụ nhân dân, chủ yếu là phục vụ công - nông - binh. Đây vừa là đối tượng phản ánh, là công chúng văn học đồng thời cũng là lực lượng sáng tác của nền văn học mới.

2.2. Ở giai đoạn từ sau Cách mạng đến đầu những năm 50, khi sáng tác đã cho thấy sự nhạy bén và ít nhiều bắt kịp với cuộc sống của công nông binh thì phê bình văn học còn tỏ ra chậm chạp, chưa thể hiện rõ được vai trò của mình trong việc xây dựng một nền văn học mới, hướng về đại chúng. Trong bản báo cáo *Xây dựng văn nghệ nhân dân Việt Nam* trình bày tại Đại hội lần thứ II của Đảng (2-1951), đánh giá về tình hình phê bình văn học trong những năm đầu của văn nghệ Việt Nam sau Cách mạng, Tố Hữu nhận xét: “Chúng ta còn thiếu một văn chương phê bình chắc chắn... để dẫn dắt cho những người làm công tác văn nghệ. Một số bài phê bình rải rác trên các báo còn thiếu thái độ chân thành, nên chưa gây được một không khí náo nhiệt trong văn nghệ. Việc phê bình hã còn là công việc của một số người quan tâm đến văn nghệ, chưa thành một phong trào quần chúng rộng rãi có lãnh đạo hẳn hoi. (...) Tạp chí Văn nghệ của Hội Văn nghệ Việt Nam chưa làm tròn nhiệm vụ của nó với tư cách là một cơ quan đấu tranh, cho nên các bài lí luận, phê bình còn quá ít ỏi, còn nhiều nhận định chủ quan, nông nổi” [1;359].

Dù tình hình chung được tổng kết như trên, song phê bình văn học giai đoạn này vẫn có những điểm sáng đáng lưu tâm. Một trong những người mở đầu cho phê bình văn học thời kì mới sau Cách mạng tháng Tám là Nguyễn Đình Thi. Tháng 6-1946, ông có bài phê bình đánh giá cao kịch *Bắc Sơn* của Nguyễn Huy Tưởng. Theo ông, điều đáng chú ý nhất và cần nhấn mạnh nhất là “kịch *Bắc Sơn* đưa lên sân khấu những sự việc mới, những đám đông, những con người mới của cách mạng: người cán bộ, ông già nông dân khảng khái, anh du kích, bà cụ có tấm lòng yêu nước trung trực” [1;814]. Nguyễn Đình Thi cũng khen những tác phẩm viết về bộ đội của Trần Đăng. Đặc biệt bài bút kí *Một cuộc chuẩn bị* được Nguyễn Đình Thi xem là “một áng văn khoẻ đẹp hiếm có về bộ đội ta” [1;846]. Quán triệt tư tưởng văn nghệ phục vụ kháng chiến, Nguyễn Đình Thi cũng nhận ra rằng chính kháng chiến đem đến cho văn nghệ một sức sống mới. Sắt lửa mặt trận đang đúc nên nền văn nghệ mới của chúng ta. Ông khẳng định: “Đem ý thức kháng chiến vào cuộc

sống hàng ngày, châm lên trong lòng người những tình cảm kháng chiến mãnh liệt, làm cho mọi người gắn liền vào cuộc sống kháng chiến bằng những phần sâu xa nhất của đời sống mình, sức mạnh và nhiệm vụ của văn nghệ là ở đây” [1;822].

Từ sau Cách mạng tháng Tám đến năm 1948, văn học đi vào kháng chiến nhưng chưa có nhiều tác phẩm tốt. Nhà văn danh nghĩa đi theo kháng chiến, sáng tác vì kháng chiến nhưng trong khoảng 1947-1948, đa số viết bằng tưởng tượng, bằng hình ảnh, ngôn ngữ quen thân ngày xưa, bằng kí ức sách vở, chưa có những chất liệu nóng hổi từ thực tế. Nổi bật nhất trong giai đoạn này có lẽ là thơ Tố Hữu. Những bài như *Cá nước*, *Phá đường*, *Bà mẹ Việt Bắc*, *Bao giờ hết giặc*, *Bầm ơi* là những hình ảnh hiện thực, là tiếng lòng của quần chúng kháng chiến, vì vậy đã nhận được sự chào đón nhiệt liệt của nhân dân trong cả nước. Về truyện ngắn, người ta chú ý đến truyện *Đôi mắt* của Nam Cao, nó đặt vấn đề nhân sinh quan, chủ yếu cho tầng lớp tiểu tư sản suy nghĩ. Một số thơ, truyện kí khác tuy chưa nói được một vấn đề, một cảm xúc chung của số người đông đảo, nhưng vì nó nói được cảm xúc chân thành của nhà văn trước cuộc kháng chiến nên cũng có tác dụng ít nhiều trong quần chúng.

Mặc dù những sáng tác trên được quần chúng nhân dân nồng nhiệt đón nhận và đánh giá cao nhưng không phải lúc nào và tác phẩm nào cũng gây được hiệu ứng phê bình. Do hoàn cảnh chiến tranh, ưu tiên số một của phê bình văn học không phải là thẩm bình giá trị thẩm mỹ của các tác phẩm văn học nên có một thực tế là trừ những tác phẩm thực sự gây được tiếng vang hoặc những tác phẩm có nhiều ý kiến đánh giá trái chiều, còn lại đa số các tác phẩm văn học được xem là thành công trong giai đoạn này dù có khi được trao cả các giải thưởng văn học cũng chỉ may mắn lắm thì được giới thiệu trên mục điểm sách ở một vài tờ báo. Điều này cũng khiến cho việc nghiên cứu lịch sử phê bình những tác phẩm thành công của giai đoạn này trở nên hết sức khó khăn.

Từ 1948 đến 1954, nhà văn học tập đi vào thực tế, dần cải tạo tư tưởng, quần chúng cũng tham gia sáng tác sôi nổi, nhiều tác phẩm tốt xuất hiện. Thơ ca của bộ đội, chiến sĩ được ngợi ca trong các tập phê bình *Tiếng thơ* của Xuân Diệu, nhất là *Nói chuyện thơ kháng chiến* của Hoài Thanh. Nhiều tác phẩm đáng chú ý được các nhà phê bình giới thiệu trên các báo hoặc được chính độc giả say mê mà chép lại truyền tay. Một số khác thậm chí đã nhận được các giải thưởng văn học. Những sáng tác gây được sự chú ý trong giai đoạn này, được giới thiệu, nâng đỡ, ngợi ca phải kể đến tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu gồm hầu hết các bài được làm từ những ngày đầu kháng chiến đến lúc ta chiến thắng, rời căn cứ Việt Bắc về tiếp quản thủ đô. *Việt Bắc* ghi lại hình ảnh vĩ đại và bình dị của nhân dân trong kháng chiến, thể hiện được tâm tư, tình cảm rộng lớn, dạt dào của dân tộc trong kháng chiến, vì thế như một lẽ tự nhiên, nó chiếm được cảm tình của độc giả nhiều thế hệ. *Phê bình Việt Bắc* (1955) có thể coi là một sự kiện phê bình văn học đáng chú ý nhất của giai đoạn văn học này. Cuộc phê bình thu hút được một lượng lớn các cây bút phê bình cả chuyên nghiệp và không chuyên, bàn luận về nhiều vấn đề liên quan đến nội dung và nghệ thuật của tập thơ. Cuộc tranh luận còn lan sang cả những vấn đề liên quan đến tư tưởng của nhà văn cũng như những bản thảo chung của giới văn nghệ sĩ nước ta thời kì đó. Cũng trong giai đoạn này, Nông Quốc Chấn gây chú ý với tập *Việt Bắc giết giặc* trong đó có những đoạn nổi tiếng như *Dọn về làng*. Tế Hanh có bài *Người đàn bà Ninh Thuận*. Hoàng Trung Thông có *Bài ca vỡ đất*, *Cây lúa sức người*. Trong khi đó bài *Thăm lúa* của Hữu Thung đã được giải thưởng tại Đại hội thanh niên và sinh viên quốc tế ở Bu-đa-pét. Thơ Tú Mỡ, dù là thơ trào phúng châm biếm thực dân và bọn bù nhìn bán nước hay là thơ viết về quần chúng trong kháng chiến, đều mang tính chất dân tộc và đại chúng cao nên rất được ưa thích.

Về truyện kí, phê bình văn học cũng góp phần vào việc giới thiệu đến độc giả những tác phẩm như *Vùng mở* của Võ Huy Tâm và tập truyện *Tây Bắc* của Tô Hoài (những tác phẩm đạt giải thưởng của Hội văn nghệ Việt Nam), *Xung kích* của Nguyễn Đình Thi, *Con trâu* của Nguyễn Văn Bổng, *Thư nhà* của Hồ Phương, *Ký sự Cao Lạng* của Nguyễn Huy Tưởng, *Ký sự* của Trần Đăng,...

Đánh giá chung trong lĩnh vực sáng tác, so với văn xuôi, thơ ca phát triển mạnh mẽ hơn, nhất là thể loại ca dao. Về phê bình, người có công đầu trong việc tuyển chọn và giới thiệu những sáng tác tiêu biểu của quần chúng công-nông-bình giai đoạn này là Hoài Thanh và Xuân Diệu.

2.3. Trong kháng chiến, Xuân Diệu vừa làm thơ, vừa đóng góp cho đời sống văn học kháng chiến những bài phê bình văn học. Là người được phân công phụ trách mục *Tiếng thơ* của tạp chí *Văn nghệ*, Xuân Diệu đã tích cực giới thiệu thơ của nhiều anh em trẻ là bộ đội, công nhân, nông dân với những lời bình tán có duyên. Những bài phê bình của Xuân Diệu bám rất sát những bước đi của thơ ca kháng chiến, nhất là mảng thơ ca của bộ đội qua từng chiến dịch Đèo Cả, Sông Thao. Xuân Diệu ca ngợi hơi thơ chắc khoẻ, trẻ trung của những anh lính “binh nhất, binh nhì”. Trong các bài phê bình, Xuân Diệu thường tìm những ý thơ hay, lượm lấy những vần thơ đẹp trong rừng thơ của bộ đội và quần chúng để thẩm bình, phân tích. Viết về bài *Tây Tiến* của Quang Dũng, ông nhận xét: “Bài thơ hơi buồn, có đoạn buồn lắm: Tứ thơ không mới, có những câu văn hoa. Nhưng toàn bài rung rung như những giây đồng đọc lên trong miệng còn ngân âm nhạc” [2;244]. Trong khi đó, nhận xét về những bài thơ tiêu biểu của Chính Hữu, Xuân Diệu đánh giá: “Giữa các nhà thơ mới nở trong quân đội, Chính Hữu đã có một bản sắc. Sau bài *Ngày về bay bướm tài hoa*, bài *Đồng chí* rắn chắc; bài *Đêm sâu Hà Nội* còn lỏng lẻo. Bài *Mùa hè xuất trận* giọng sáng khoái” [2;245-246]. Mỗi bài thơ mỗi vẻ. Sự phát hiện của Xuân Diệu ngắn gọn mà tinh tế.

Là một nhà thơ, Xuân Diệu thấu hiểu quá trình lao động nghệ thuật của người nghệ sĩ. Cũng bởi vậy, khi phê bình, giới thiệu thơ kháng chiến, ông thường hay quan tâm đến những vấn đề thuộc về kĩ thuật của mỗi bài thơ. Theo ông: “Một bài thơ hay là một sinh vật có cơ thể. Mỗi câu mỗi chữ đứng ở đâu đều có lí do, cái kỉ luật trong hàng thơ nghiêm như những người lính đứng trong quân ngũ. Đổi đi một câu, một chữ là sai cả gan phổi của bài thơ, bài thơ lệch lạc, ngã xiêu” [3;69]. Có thể nói, cùng với Tố Hữu, Hoài Thanh, Nguyễn Đình Thi, trong thời kì đầu của nền văn học mới, Xuân Diệu đã có những ý kiến riêng và hay về thơ ca, góp phần bổ sung, làm phong phú kho tàng lí luận thơ ca, về nhà thơ và quá trình sáng tạo của người nghệ sĩ. Xuân Diệu cũng là một trong số không nhiều nhà phê bình đặc biệt quan tâm đến tài năng, cá tính của nhà thơ. Ông khẳng định: “Trong văn nghệ, nhất là trong thơ, cái địa vị của những cá nhân văn tài rất quan yếu” [3;41].

Trong khi đó, dù không công phu tuyển chọn như *Thi nhân Việt Nam* song *Nói chuyện thơ kháng chiến* (1951) của Hoài Thanh vẫn cho thấy một bức tranh khá đa dạng và nhiều màu sắc về thơ ca thời kì đầu kháng chiến.

Tập tiểu luận của Hoài Thanh, ngoài phần *Đặt vấn đề* và *Kết luận*, được cấu trúc thành ba nội dung: *Nhìn lại thơ cũ 1932-1945*, *Những cái rớt trong thơ kháng chiến*, *Một ít thơ kháng chiến*. Mục tiêu của tập tiểu luận, như tác giả xác định là muốn giới thiệu một cách cụ thể những bài thơ tiêu biểu cho hướng đi của thời đại, đó là “hướng đại chúng trong văn nghệ”. Đối tượng được giới thiệu trong *Nói chuyện thơ kháng chiến* rất đa dạng. Từ thơ của nhà nho đến thơ của anh em trí thức mới, từ thơ của những nghệ sĩ đã có tiếng tăm trong văn giới đến thơ của anh công an, chị nông dân, anh cấp dưỡng,... nhiều nhất là thơ của bộ đội hoặc của những văn nghệ sĩ tham gia kháng chiến. Theo Hoài Thanh, “thơ kháng chiến đã gồm đủ các thể là vì trong hàng ngũ kháng chiến có đầy đủ mọi tầng lớp nhân dân”. Tình cảm trong thơ kháng chiến là những tình cảm đang hướng dẫn, đang thôi thúc hành động của chúng ta. Đó là lòng căm giận giặc, là tình đồng bào, tình

đồng chí, tình quân dân gắn bó với nhau trong chiến đấu, tình quốc tế,... Tóm tắt lại, nội dung thơ kháng chiến là tình yêu nước. Tác giả đánh giá: “Thơ kháng chiến là một thành công đáng kể của dân tộc. Nó có tác dụng động viên và giáo hoá lớn. Đồng thời nó cũng là một niềm hi vọng lớn. Nó chứng tỏ khả năng sáng tạo của đại chúng và khả năng tự cải tạo của tất cả mọi tầng lớp nhân dân” [4;138]. Đánh giá cao sáng tác của đại chúng, Hoài Thanh cũng không quên chỉ ra những nhược điểm của thơ ca kháng chiến, đó là thơ “chưa thật sát nhu cầu của từng cuộc vận động”, cảm xúc cảm giận, tình quốc tế còn nhẹ quá,... Tất cả là do “chưa thấm nhuần được sâu sắc những chính sách của cách mạng, chưa có sự kết hợp chặt chẽ giữa các nhà thơ và quần chúng công nông binh” [4;140].

Có thể nói, *Nói chuyện thơ kháng chiến* là một tập phê bình văn học có giá trị, là bản tổng kết có hệ thống về thơ ca trong những năm đầu của nền văn học mới. Tập tiểu luận cũng cho thấy sự thích ứng nhanh chóng và cũng là những thay đổi mau lẹ về lập trường tư tưởng và quan điểm mỹ học của Hoài Thanh so với chính những hoạt động văn học của ông thời kì trước Cách mạng tháng Tám. Thấm nhuần tư tưởng văn nghệ nhân dân, Hoài Thanh muốn xuất phát từ những phương hướng chính trị của Đảng để đi tìm “phương hướng tình cảm” mới cho thơ ca. Chính bởi thế, như đã phân tích ở trên, giá trị đáng kể nhất của *Nói chuyện thơ kháng chiến* là đã phát hiện và ghi nhận những thành tựu bước đầu của thơ ca kháng chiến với những Tố Hữu, Hồng Nguyên, Thôi Hữu, Lưu Trọng Lư, Trần Mai Ninh, Vĩnh Mai, Hoàng Lộc, Hoàng Trung Thông,... Đồng thời, Hoài Thanh cũng không quên tán dương những yếu tố chân chất, khoẻ khoắn của thơ ca quần chúng, đặc biệt là thơ binh nhì. Tuy nhiên, có lẽ cũng vì quá hào hứng với khí thế sôi sục của thời kì kháng chiến mà Hoài Thanh đã có những nhận định được xem là khá “nặng tay” với mong muốn thanh toán tận gốc các thứ “rối rít” tiểu tư sản của Thơ mới lãng mạn và trong thơ kháng chiến. Một vài nhược điểm trong công trình của Hoài Thanh cũng phản ánh một trong những thực tế của ý thức văn học những năm 1945-1955, đó là thái độ cực đoan khi đánh giá giá trị của phong trào Thơ mới cũng như thơ kháng chiến, đồng thời do đề cao tính chất tuyên truyền, đề cao nội dung của văn học nên những tìm tòi, những trăn trở của một số nhà văn về hình thức và phong cách nghệ thuật cũng chưa được quan tâm một cách thoả đáng.

Sau hai tập tiểu luận này, năm 1952, trong Đại hội thi đua toàn quốc, tập truyện ghi theo lời tự thuật của các anh hùng chiến sĩ được đánh giá cao và được xếp giải văn học ngoại hạng. Sở dĩ tập truyện này được bình bầu và trao giải vì nó là thứ văn học viết cho đại chúng. Truyện người thật, việc thật, lối viết đơn nghĩa, dễ hiểu nên được quần chúng ưa thích. Đây là đặc điểm dễ nhận thấy trong phê bình văn học giai đoạn này, khi những tác phẩm viết về vai trò vĩ đại của quần chúng, những tác phẩm văn học mô tả sức mạnh của đám đông bộ đội, công nhân, nông dân, dân công,... thường gây được sự chú ý, được các nhà phê bình ưu tiên giới thiệu đến độc giả và ca ngợi nhiều hơn.

3. Kết luận

Văn học Việt Nam giai đoạn từ sau năm 1945 là một nền văn học thống nhất, có tổ chức, đặt dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng. Đảng ta vốn rất coi trọng sức mạnh của văn học nghệ thuật trong cách mạng văn hoá, tư tưởng. Bởi vậy, trong nền văn học mới, mọi hoạt động văn nghệ đều hướng đến thực hiện những nhiệm vụ chính trị của Đảng, những mục tiêu cách mạng của toàn dân tộc. Có thể nói trong 10 năm hình thành và phát triển, phê bình văn học giai đoạn 1945-1955 đã góp công lớn vào việc bảo vệ vững chắc đường lối văn nghệ của Đảng, làm sáng tỏ và phổ biến nó đến giới văn nghệ, cũng như hướng đạo họ làm theo. Phê bình cũng đã kịp thời giới thiệu, quảng

bá, nhân rộng những điển hình tích cực trong sáng tác. Tuy nhiên, phê bình tác phẩm thực sự chưa nhiều. Do đây là giai đoạn khởi đầu của một nền văn học mới nên nhiệm vụ chủ yếu của phê bình văn học là cùng với lí luận tập trung giải quyết những vấn đề liên quan đến lập trường tư tưởng của nhà văn. Xu hướng phê bình văn học khi ấy, theo yêu cầu của lịch sử, như một lẽ tự nhiên chủ yếu nhằm vào nội dung chính trị, xã hội, nội dung tư tưởng. Những vấn đề liên quan đến đặc trưng thẩm mỹ của văn học chưa có điều kiện được quan tâm đúng mức. Ở một chừng mực nhất định, phê bình văn học giai đoạn này đã thực hiện được vai trò đại diện cho ý thức của nền văn học mới. So với phê bình văn học giai đoạn trước năm 1945, nó xứng đáng được gọi là một nền phê bình cách mạng đã phát triển.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Ngọc Thiện, 2008. *Văn học Việt Nam thế kỉ XX (Lí luận – phê bình 1945-1975)* Quyển năm – tập VII. Nxb Văn học.
- [2] Hữu Nhuận, 1999. *Sưu tầm Văn nghệ 1948-1954*, tập 2. Nxb Hội Nhà văn.
- [3] Xuân Diệu, 1954. *Tiếng thơ*. Nxb Văn nghệ.
- [4] Hoài Thanh, 1951. *Nói chuyện thơ kháng chiến*. Nxb Văn hoá nghệ thuật.

ABSTRACT

Overview of Vietnamese literary criticism from 1945-1955

Vietnamese literary criticism during the years 1945-1955 was not of much value. However, under Communist Party leadership, it has increasingly come to play a role in the development of a new kind of literature – a people’s literature. Literary criticism in this period showed the relationship that should exist between art and politics, positively disseminating the principles of the Communist Party. It also helped identify and commend the germs of Vietnamese revolutionary literature.